

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**

**KHOA LUẬT**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI**

**NGƯỜI TIÊU DÙNG**

**(LƯU HÀNH NỘI BỘ)**

**CẦN THƠ – 2018**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**  
**KHOA LUẬT**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**  
**LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**

**1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC**

- **Tên môn học:** Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật Kinh tế

+ Bachelor: Đại học

+ Hệ Chính quy

- **Số tín chỉ:** 02;      **Số tiết:** 30 tiết

- **Giảng viên phụ trách:** Bộ môn Luật Kinh tế

- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C1-01- Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài) – Quận Ninh Kiều – Cần Thơ

**2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC**

Sau khi học xong môn học Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (LBVQLNTD), sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

**2.1. Về kiến thức**

- Hiểu được khái niệm, đặc điểm và nội dung cơ bản của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- Hiểu được các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ người tiêu dùng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá dịch vụ đối với người tiêu dùng (NTD);

- Hiểu được các chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD và phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và thương nhân.

**2.2. Về kỹ năng**

- Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tìm kiếm, kỹ năng tổng hợp các quy định của pháp luật bảo vệ NTD để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trên thực tế;

- Hình thành và phát triển kỹ năng so sánh, bình luận đánh giá các vấn đề của pháp luật bảo vệ quyền lợi NTD;

- Có khả năng vận dụng các quy định của pháp luật về bảo vệ NTD để có thể đưa ra các phương hướng giải quyết tranh chấp và cách thức bảo vệ quyền và lợi ích của NTD;

- Có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng;

- Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động nghề nghiệp;

- Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.

### **2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

- Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

### **2.4. Về thái độ**

- Tích cực nâng cao trình độ nhận thức và việc hiểu biết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích cho NTD;

- Đảm bảo cho học viên tự tin trước những vấn đề pháp lý phát sinh liên quan đến việc bảo vệ người tiêu dùng;

- Khách quan hơn đối với các lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể kinh doanh trên thị trường, cũng như trách nhiệm của các thương nhân đối với NTD;

- Trung thành với tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc;

- Có ý thức vận dụng kiến thức đã học trong việc nghiên cứu các môn học tiếp theo.

### 3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

| <i>Vấn đề/bậc nhận thức</i>  | <i>Bậc 1</i>   | <i>Bậc 2</i>  | <i>Bậc 3</i>  |
|--|--|---|---|
| <b>Vấn đề 1:</b><br>Những vấn đề lý luận về bảo vệ NTD và pháp luật bảo vệ NTD | <p><b>1A1.</b> Nêu được quan niệm về NTD trong pháp luật một số nước trên thế giới.</p> <p><b>1A2.</b> Nêu được khái niệm NTD theo LBVQLNTD.</p> <p><b>1A3.</b> Nêu được các lý do cần thiết phải bảo vệ NTD.</p> <p><b>1A4.</b> Trình bày được quan niệm về chính sách bảo vệ NTD.</p> <p><b>1A5.</b> Trình bày được quá trình phát triển của pháp luật bảo vệ NTD trên thế giới và ở Việt Nam.</p> <p><b>1A6.</b> Nêu được đặc điểm của pháp luật bảo vệ NTD Việt Nam.</p> | <p><b>1B1.</b> Phân tích được các điều kiện để xác định một chủ thể là NTD theo pháp luật một số nước.</p> <p><b>1B2.</b> Phân tích được các điều kiện xác định một chủ thể là NTD theo LBVQLNTD.</p> <p><b>1B3.</b> Phân tích được sự cần thiết phải bảo vệ NTD.</p> <p><b>1B4.</b> Phân tích được nội dung của chính sách bảo vệ NTD.</p> <p><b>1B5.</b> Phân tích được đặc điểm của pháp luật bảo vệ NTD.</p> <p><b>1B6.</b> Phân tích được các nội dung cơ bản của pháp luật bảo vệ NTD Việt Nam.</p> <p><b>1B7.</b> Phân tích được các nguồn của pháp luật bảo vệ NTD Việt</p> | <p><b>1C1.</b> Bình luận được khái niệm NTD quy định tại khoản 1 Điều 3 LBVQLNTD.</p> <p><b>1C2.</b> Bình luận được việc tại sao nhà nước phải bảo vệ NTD bằng các chính sách của mình.</p> <p><b>1C3.</b> Bình luận được các nội dung cơ bản của pháp luật bảo vệ NTD.</p> |

|   |   |   |  |
|---|---|---|--|
|   | <p><b>1A7.</b> Nêu được các nội dung cơ bản của pháp luật bảo vệ NTD.</p> <p><b>1A8.</b> Nêu được nguồn của pháp luật bảo vệ NTD Việt Nam.</p>  | Nam.  |  |
| <p><b>Vấn đề 2:</b> Các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ NTD ở Việt Nam.</p> | <p><b>2A1.</b> Nêu được các quan niệm về thiết chế bảo vệ NTD.</p> <p><b>2A2.</b> Nêu được các loại thiết chế bảo vệ NTD quan trọng nhất ở Việt Nam.</p> <p><b>2A3.</b> Nêu được các cơ quan quản lý nhà nước chủ chốt về bảo vệ quyền lợi NTD ở Việt Nam.</p> <p><b>2A4.</b> Nêu được quyền, nghĩa vụ của các cơ quan quản lý nhà nước chủ chốt trong việc thực thi pháp luật bảo vệ NTD.</p> <p><b>2A5.</b> Nêu được cơ quan tài phán về bảo vệ NTD ở Việt Nam.</p> <p><b>2A6.</b> Nêu được quyền, nghĩa vụ của toà án và trọng tài trong việc bảo vệ</p> | <p><b>2B1.</b> Phân tích được vai trò của hệ thống thiết chế chế bảo vệ NTD trong việc bảo vệ NTD.</p> <p><b>2B2.</b> Phân biệt được vai trò của các loại thiết chế trong việc thực thi pháp luật bảo vệ NTD.</p> <p><b>2B3.</b> Phân tích được quyền, nghĩa vụ của cơ quan quản lý nhà nước chủ chốt trong việc thực thi pháp luật bảo vệ NTD.</p> <p><b>2B4.</b> Phân tích được quyền, nghĩa vụ của toà án và trọng tài trong việc bảo vệ NTD.</p> <p><b>2B5.</b> Phân tích được quyền, nghĩa vụ và vai trò của các tổ chức xã hội trong việc bảo vệ NTD.</p> | <p><b>2C1.</b> Bình luận được khái niệm thiết chế bảo vệ NTD.</p> <p><b>2C2.</b> Bình luận được vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ NTD, của toà án, trọng tài và của các tổ chức xã hội trong việc bảo vệ NTD ở Việt Nam hiện nay.</p> |

|   |  |   |   |
|---|--|---|---|
|   | <p>NTD.</p> <p><b>2A7.</b> Nêu được các tổ chức xã hội tham gia công tác bảo vệ NTD ở Việt Nam.</p> <p><b>2A8.</b> Nêu được quyền, nghĩa vụ của các tổ chức xã hội trong việc bảo vệ NTD.</p>  |   |   |
| <p><b>Vấn đề 3:</b> Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD</p> | <p><b>3A1.</b> Trình bày được khái niệm, đặc điểm của chế định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD theo quy định của LBVQLNTD.</p> <p><b>3A2.</b> Nêu được nội dung chủ yếu của pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam.</p> <p><b>3A3.</b> Nêu được các trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD theo Luật bảo vệ</p> | <p><b>3B1.</b> Phân tích được các đặc điểm của chế định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD.</p> <p><b>3B2.</b> Phân tích được điểm giống và khác nhau giữa pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam.</p> <p><b>3B3.</b> Phân tích được từng trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD theo Luật bảo vệ quyền lợi NTD Việt Nam.</p> | <p><b>3C1.</b> Bình luận được chế định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh với NTD theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.</p> <p><b>3C2.</b> Bình luận được ý nghĩa của từng loại trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD theo Luật bảo vệ quyền lợi NTD Việt Nam.</p> |

|  |   |  |  |
|--|---|--|--|
|  | quyền lợi NTD Việt Nam.   |  |  |
| <b>Vấn đề 4:</b><br>Chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD | <p><b>4A1.</b> Trình bày được khái niệm và đặc điểm của chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD.</p> <p><b>4A2.</b> Nêu được các loại chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD.</p> <p><b>4A3.</b> Nêu được khái niệm, đặc điểm từng loại chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD.</p> <p><b>4A4.</b> Nêu được cơ sở áp dụng của từng loại chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD.</p> <p><b>4A5.</b> Nêu được hậu quả của việc áp dụng từng loại chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD.</p> | <p><b>4B1.</b> Phân tích được đặc điểm của mỗi chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD.</p> <p><b>4B2.</b> Phân tích được đặc điểm của từng loại chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD.</p> <p><b>4B3.</b> Phân tích được cơ sở áp dụng của từng loại chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD.</p> <p><b>4B4.</b> Phân tích được hậu quả của việc áp dụng từng loại chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD.</p> | <p><b>4C1.</b> Đánh giá về khả năng áp dụng các chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD trên thực tế.</p> <p><b>4C2.</b> Bình luận được quy định pháp luật hiện hành về từng loại chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD.</p> <p><b>4C3.</b> Tìm hiểu hệ thống các văn bản pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ NTD.</p> |
| <b>Vấn đề 5:</b><br>Phương thức  | <b>5A1.</b> Nêu được khái niệm, đặc điểm  | <b>5B1.</b> Phân tích được đặc điểm tranh chấp   | <b>5C1.</b> Đánh giá được hiệu quả các   |

|   |  |   |   |
|---|--|---|---|
| <p>giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh</p> | <p>tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh.</p> <p><b>5A2.</b> Nêu được các yêu cầu của phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh.</p> <p><b>5A3.</b> Nêu được các phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức cá nhân kinh doanh theo LBVQLNTD.</p> <p><b>5A4.</b> Nêu được nội dung phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng thương lượng.</p> <p><b>5A5.</b> Nêu được nội dung phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng hoà giải.</p> <p><b>5A6.</b> Nêu được nội dung phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và</p> | <p>giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh.</p> <p><b>5B2.</b> Phân tích được các yêu cầu của phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh.</p> <p><b>5B3.</b> Phân tích được đặc điểm của giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức cá nhân kinh doanh bằng phương thức thương lượng.</p> <p><b>5B4.</b> Phân tích được đặc điểm của giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng phương thức hoà giải.</p> <p><b>5B5.</b> Phân tích được đặc điểm của giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng toà án.</p> <p><b>5B6.</b> Phân tích được ưu điểm của việc áp dụng thủ tục xét xử đơn giản đối với tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh.</p> <p><b>5B7.</b> Phân tích</p> | <p>phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh ở Việt Nam hiện nay.</p> <p><b>5C2.</b> Đánh giá quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về các phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh.</p> |
|---|--|---|---|



|  |  |   |  |
|--|--|---|--|
|  | <p>tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng toà án.</p> <p><b>5A7.</b> Nêu được điều kiện áp dụng thủ tục đơn giản trong việc giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức cá nhân bằng toà án.</p> <p><b>5A8.</b> Nêu được các trường hợp tổ chức xã hội có quyền khởi kiện trực tiếp.</p> <p><b>5A9.</b> Nêu được nội dung phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng trọng tài.</p> <p><b>5A10.</b> Nêu được nội dung phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng biện pháp hành chính.</p> | <p>được quyền và nghĩa vụ của tổ chức xã hội trong việc khởi kiện ra toà án tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh.</p> <p><b>5B8.</b> Phân tích được đặc điểm của giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh bằng trọng tài theo pháp luật bảo vệ NTD Việt Nam.</p> <p><b>5B9.</b> Phân tích được đặc điểm của giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân bằng biện pháp hành chính theo Pháp luật bảo vệ NTD Việt Nam.</p> |  |
|--|--|---|--|

## 4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC

### 4.1. Lịch trình chung

| Số Tiết | VD        | Hình thức tổ chức dạy-học |         |     |        |
|---------|-----------|---------------------------|---------|-----|--------|
|         |           | Lí thuyết                 | Seminar | LVN | Tự học |
| 30      | 05 vấn đề | 13                        | 12      |     | 5      |

### 4.2. Lịch trình cụ thể

| Thời lượng      | Nội dung giảng dạy  | Hoạt động của giảng viên   | Hoạt động của sinh viên   |
|-----------------|---|--|---|
| <b>Tiết 1-3</b> | <p><b>Chương 1: Những vấn đề lý luận về bảo vệ NTD và pháp luật bảo vệ NTD</b></p> <p>1.1. Tổng quan về bảo vệ NTD</p> <p>1.2. Khái niệm, đặc điểm của NTD</p> <p>1.3. Khái niệm, đặc điểm của PL bảo vệ NTD</p> <p>1.4. Khái quát pháp luật về bảo vệ NTD Việt Nam</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giảng</li> <li>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</li> <li>- Hướng dẫn, giải đáp</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng</li> <li>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống</li> </ul> |
| <b>Tiết 4-9</b> | <p><b>Chương 2: Các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ NTD ở Việt Nam</b></p> <p>2.1. Khái quát về thiết chế bảo vệ NTD.</p> <p>2.2. Các thiết chế bảo vệ NTD ở Việt Nam, quyền và nghĩa vụ của từng</p>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giảng</li> <li>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</li> <li>- Hướng dẫn, giải đáp</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng</li> <li>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống</li> </ul> |

|                   |   |  |   |
|-------------------|---|--|---|
|                   | thiết chế trong bảo vệ NTD.   |  |   |
| <b>Tiết 10-15</b> | <p><b>Chương 3: Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD</b></p> <p>3.1. Trách nhiệm cụ thể của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với NTD</p> <p>3.2. Pháp luật về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đối với NTD ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giảng</li> <li>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</li> <li>- Hướng dẫn, giải đáp</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng</li> <li>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống</li> </ul> |
| <b>Tiết 16-21</b> | <p><b>Chương 4: Chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD</b></p> <p>4.1. Khái niệm, đặc điểm của chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ NTD</p> <p>4.2. Các loại chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD</p>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giảng</li> <li>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</li> <li>- Hướng dẫn, giải đáp</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng</li> <li>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống</li> </ul> |
| <b>Tiết 22-27</b> | <p><b>Chương 5: Phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh</b></p> <p>5.1. Khái niệm, đặc điểm</p>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giảng</li> <li>- Đặt câu hỏi, nêu tình huống</li> <li>- Hướng dẫn, giải</li> </ul>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng</li> <li>- Thảo luận/Trả lời câu hỏi/giải quyết tình huống</li> </ul> |

|                   |  |   |  |
|-------------------|--|---|--|
|                   | <p>tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh</p> <p>5.2. Các hình thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và tổ chức, cá nhân kinh doanh</p> <p>5.3. Phân tích được vai trò của tổ chức bảo vệ NTD trong việc khởi kiện ra toà án tranh chấp giữa NTD và thương nhân</p> <p>5.4. Tìm hiểu cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.</p> | đáp   |  |
| <b>Tiết 28-30</b> | <b>Ôn tập kết thúc môn</b>   | Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên | Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc. |

## 5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

| TT | Hình thức           | Trọng số (%) | Tiêu chí đánh giá  | Thang điểm |
|----|---------------------|--------------|--|------------|
| 1  | <b>Chuyên cần</b>   | 10           | Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.   | 10         |
|    |                     | 10           | Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.  | 10         |
| 2  | <b>Thường xuyên</b> | 15           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân</li> <li>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra:</li> <li>+ Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm</li> </ul> | 10         |

|   |                        |    |  |    |
|---|------------------------|----|--|----|
|   |                        |    | + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm<br>+ Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm<br><b>Tổng: 10 điểm</b>  |    |
|   |                        | 15 | - Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm<br>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo:<br>+ Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm<br>+ Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm<br>+ Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm<br>+ Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm<br>+ Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm<br>+ Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm<br><b>Tổng: 10 điểm</b> | 10 |
| 3 | <b>Thi kết thúc HP</b> | 50 | + Thi kết thúc học phần<br>+ Hình thức thi: Thi tự luận (thời gian 90 phút)<br>+ Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi   | 10 |

## 6. HỌC LIỆU

### A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Bộ luật dân sự năm 2015;
2. Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2010;
3. Nghị định của Chính phủ số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

## **B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC**

1. Vũ Huy Thông (2010), *Giáo trình hành vi người tiêu dùng*, Nxb. Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội;
2. Nghị định của Chính phủ số 19/2012/NĐ-CP ngày 16/03/2012 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
3. Nghị định của Chính phủ số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

*Cần Thơ, ngày... tháng.... Năm 2018*

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**